

		Quản lý thông tin	7320205
		Lưu trữ học	7320303
		Công tác xã hội	7760101
7	Tiếng Nga	Quản trị văn phòng	7340406
		Triết học	7229001
		Tôn giáo học	7229009
		Lịch sử	7229010
		Văn học	7229030
		Văn hoá học	7229040
		Xã hội học	7310301
		Nhân học	7310302
		Địa lý học	7310501
		Việt Nam học	7310630
		Công tác xã hội	7760101
		8	Tiếng Trung Quốc
Triết học	7229001		
Tôn giáo học	7229009		
Lịch sử	7229010		
Văn học	7229030		
Văn hoá học	7229040		
Xã hội học	7310301		
Nhân học	7310302		
Địa lý học	7310501		
Việt Nam học	7310630		
Công tác xã hội	7760101		
9	Tiếng Pháp		
		Triết học	7229001
		Tôn giáo học	7229009
		Lịch sử	7229010
		Văn học	7229030
		Văn hoá học	7229040
		Xã hội học	7310301
		Nhân học	7310302
		Địa lý học	7310501
		Việt Nam học	7310630
		Công tác xã hội	7760101

1.8.3 Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (Ưu tiên theo khu vực và ưu tiên theo đối tượng): chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đối với thí sinh xét tuyển bằng kết quả tốt nghiệp THPT năm 2024 và ĐGNL của ĐHQG-HCM năm 2024 theo quy chế tuyển sinh hiện hành, cụ thể:

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

- Đối với xét tuyển bằng kết quả tốt nghiệp THPT năm 2024, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$$

- Đối với xét tuyển bằng kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG-HCM năm 2024 (thang điểm 1200), điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 900 điểm trở lên (theo thang điểm kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM là 1200) được xác định theo công thức:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(1200 - \text{Tổng điểm đạt được})/300] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$$

(giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 40 điểm, giữa hai khu vực kế tiếp là 10 điểm)

1.9. Lệ phí xét tuyển:

- Phương thức 3 (xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT 2024), theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT;

- Phương thức khác (theo quy định ĐHQG-HCM và của Trường): 25.000đ/nguyện vọng (xem hướng dẫn đóng lệ phí tại <https://tuyensinhdh.hcmussh.edu.vn>).

1.10. Học phí: Dự kiến học phí được tính theo năm học (8 học kỳ) hoặc số tín chỉ học tập mà sinh viên đăng ký học tập của từng ngành, nhóm ngành, chương trình và sẽ tăng từ 10-15% trong năm tiếp theo, cụ thể như sau:

- *Nhóm Khoa học xã hội nhân văn:*

+ Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử, Địa lý học, Thông tin - Thư viện, Lưu trữ học, Nhân học: dự kiến khoảng 7.150.000 đồng/học kỳ (tương đương 473.000đ/tín chỉ).

+ Giáo dục học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Xã hội học, Đông Phương học, Việt Nam học (đối tượng người VN), Quản trị văn phòng, Công tác xã hội, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục, Đô thị học Quản lý thông tin: dự kiến khoảng 10.890.000 đồng/học kỳ (tương đương 704.000đ/tín chỉ).

+ Quan hệ quốc tế, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện: dự kiến khoảng 12.100.000 đồng/học kỳ (tương đương 781.000đ/tín chỉ).

- *Nhóm Ngôn ngữ, Du lịch:*

+ Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ: dự kiến khoảng 8.580.000 đồng/học kỳ (tương đương 561.000 đ/tín chỉ).

+ Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Đức: dự kiến khoảng 13.035.000 đồng/học kỳ (tương đương 858.000đ/tín chỉ).

+ Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: dự kiến khoảng 14.520.000 đồng/học kỳ (tương đương 946.000đ/tín chỉ).

- *Chương trình chuẩn quốc tế, tăng cường tiếng Anh:* dự kiến 30.000.000 đồng/học kỳ (tương đương 1.950.000/tín chỉ).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: 6-12/2024

1.12. Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của cơ sở đào tạo

- Thí sinh sai sót về khu vực ưu tiên đối tượng ưu tiên trong đăng ký xét tuyển đối với thí sinh đăng ký theo phương thức 401, Trường rà soát dữ liệu về đối tượng, khu vực với dữ liệu của Bộ GDĐT, thông báo cho thí sinh để có những điều chỉnh kịp thời.

- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhưng không trúng tuyển do những sai sót về khu vực, đối tượng ưu tiên, phương thức xét tuyển hoặc các lý do khác quan khác, Trường sẽ giải quyết theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT nhằm đảm bảo quyền lợi của thí sinh.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: (không).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: ~440 tỷ;

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 20 triệu.

1.15. Các nội dung khác

Chính sách học bổng: năm học 2024-2025, Nhà trường dự kiến dành khoảng 25 tỉ cho các chương trình học bổng, hỗ trợ tài chính có với mục tiêu lớn nhất là giúp sinh viên an tâm học tập, không để sinh viên vì khó khăn do học phí mà không thể tới trường. Ngoài chính sách về hỗ trợ học phí theo quy định, Trường còn nhiều chương trình học bổng như: học bổng khuyến khích học tập, học bổng doanh nghiệp,..., trong đó có 8% từ học phí để trao học bổng khuyến khích học tập cho các sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện tốt.

Thông tin học bổng sinh viên được công bố tại <https://hcmussh.edu.vn/hoc-bong>

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Tuyển sinh liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy

2.1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

- Ngành Ngôn ngữ Anh: người có bằng tốt nghiệp cao đẳng Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh) hình thức chính quy;

- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: người có bằng tốt nghiệp cao đẳng hình thức chính quy, thuộc các ngành/chuyên ngành sau: Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng, Văn hóa du lịch, Quản trị lễ tân, Quản trị buồng phòng, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Hướng dẫn du lịch.

2.1.2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước

2.1.3. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập (điểm trung bình tích lũy toàn khóa học) ở bậc cao đẳng

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 250

T T	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)